TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày 04/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Ông Phạm Đăng Doanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 04/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2019/TLST-HS ngày 27/08/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 20/09/2019 đối với bị cáo:

A sinh năm 1986, tại thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú số nhà 81, phố TT, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông T và bà N; vợ Q vào có 01 con 01 tuổi.

Tiền sự:

- Ngày 17/08/2012 bị Công an thành phố Ninh Bình xử phạt 500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa chấp hành quyết định.

- Ngày 17/06/2015 bị Công an phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình xử phạt 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", chưa chấp hành quyết định.

- Ngày 05/01/2016 bị Công an phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", chưa chấp hành quyết định.

Tiền án: Ngày 28/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện YKxử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Nhân thân: Ngày 21/12/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Bình xử phạt 3.000.000 về tội "Đánh bạc".

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/05/2019 đến ngày 03/06/2019 chuyển tạm

giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

Người bị hại: Chị L sinh năm 1980; địa chỉ số nhà 24, ngõ 124, phố BT, phường NT, thành phố Ninh Binh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ L quan đến vụ án: Anh M sinh năm 1978; địa chỉ số nhà 500, đường THĐ, phố KT, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 18/07/2018 chị L và T đang đứng nói chuyện tại ngã ba khu công nghiệp xã Khánh Phú thì A đi đến, thấy chị L có xe mô tô nhãn hiệu Air Bladefi biển kiểm soát 35B1-613.20, A hỏi T và chị L cho mượn xe mô tô của chị L, mục đích để A cầm cố lấy tiền chuộc xe mô tô của A đã cầm cố trước đó, để mang xe mô tô của A đi bán, rồi lấy tiền chuộc lại xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 trả lại cho chị L. Chị L đã cho A mượn xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau khi mượn được xe mô tô của chị L, trên đường mang xe mô tô đi cầm cố, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị L, nên mang xe mô tô của chị L lên thành phố Ninh Bình bán cho anh M 23.000.000 đồng, số tiền bán xe A đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi cho A mượn xe mô tô, nhưng không thấy A quay lại trả xe, chị L đã điện thoại cho A để đòi lại xe mô tô nhưng không gọi được. Ngày 20/07/2018 chị L và T có đến nhà A đòi lại xe mô tô, A hẹn đến tối ngày 21/07/2018 sẽ trả xe, nhưng do không không có tiền chuộc xe để trả cho chị L nên A đã bỏ đi khỏi địa phương và tắt máy điện thoại để chặn L lạc với chị L. Chị L sau đó đã nhiều lần đến nhà tìm A nhưng đều không gặp, không L lạc được với A.

Sau khi mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 của A, anh M tiếp tục bán lại cho anh Th. Ngày 24/03/2019, chị L thấy anh Th đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 của mình, chị L đã trình báo với Công an thành phố Ninh Bình. Anh Th sau khi biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 là tài sản của chị L do A chiếm đoạt, nên anh Th đã mang xe mô tô trả lại cho anh M và anh M đã mang xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 giao nộp cho Công an.

Kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG ngày 23/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện YK kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 nhãn hiệu Honda, số loại AirBladefi, xe sử dụng từ tháng 01/2014, trị giá là 20.330.000 đồng.

Cáo trạng số 49/CT-VKSYK ngày 26/08/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố bị cáo A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51

của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Buộc bị cáo A phải trả lại cho anh M tiền bán xe mô tô là 23.000.000 đồng.

Bị cáo A khai: Bị cáo mượn xe mô tô của chị L, với mục đích mang đi cắm lấy tiền chuộc xe mô tô của A đã cắm trước đó ra, để mang xe mô tô của A đi bán lấy tiền, rồi chuộc xe mô tô trả lại cho chị L. Nhưng sau khi mượn được xe mô tô của chị L, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị L nên đã mang xe mô tô của chị L bán cho anh M. Đến ngày 20/7/2019 chị L đến nhà A đòi lại xe, do không có tiền chuộc xe trả cho chị L, nên A đã bỏ nhà đi khỏi địa phương và tắt điện thoại không L lạc với chị L.

Nói lời sau cùng bị cáo A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người L quan và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trưa ngày 18/07/2018 tại ngã ba khu công nghiệp xã Khánh Phú, A đã hỏi mượn xe mô tô biển kiển soát 35B1-613.20 chị L. Sau khi mượn được xe mô tô của chị L, A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị L, nên đã mang xe mô tô của chị L lên thành phố Ninh Bình bán cho anh M. Chị L nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà tìm A để đòi lại xe mô tô, nhưng A đã bỏ đi khỏi địa phương và tắt máy điện thoại không L lạc với chị L.

Hành vi mượn tài sản của người khác, rồi nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang đi bán cho người khác, rồi bỏ trốn của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong xã hội; với giá trị tài sản chiếm đoạt là 20.330.000 đồng, nên hành vi của bị cáo A đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố bị cáo A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo A đã bị kết án chưa được xóa án tích, lại phạm tội do cố ý, nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi, vào ý thức phạm tội của bị cáo, vào tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, cũng như khả năng cải tạo giáo dục của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mới có đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị L đã nhận lại tài sản do bị cáo A chiếm đoạt, trong biên bản ghi lời khai chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Anh M yêu cầu bị cáo A phải trả lại cho anh M số tiền anh M mua xe mô tô của bị cáo là 23.000.000 đồng; tại phiên tòa bị cáo A đồng ý trả lại cho anh M số tiền bán xe mô tô là 23.000.000 đồng; nên tòa án chấp nhận; buộc bị cáo A phải trả lại cho anh M số tiền bán xe mô tô là 23.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên K; cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

[7]. Trong vụ án này Nguyễn Như M là người đã mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-613.20 của A, nhưng M không biết chiếc xe mô tô này do phạm tội mà có, nên hành vi của M không có dấu hiệu hình sự.

[8]. Về án phí: Bị cáo A bị xử có tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Anh phải trả lại cho anh M 23.000.000 đồng nên phải chịu 1.150.000 đồng án phí dân sự sở thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: A 18 (mười tám) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 31/05/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A phải trả lại cho anh M số tiền bán xe mô tô là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị cáo A phải trả cho anh M, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bị cáo A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Công an huyện YK
- Bị cáo,
- Người bị hại;
- Người L quan
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lực